

Số: 3482/LĐTBXH-VP

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2015

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi tới kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá
XIII về lĩnh vực bảo trợ xã hội, giảm
nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội

Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện công văn số 208/BDN ngày 26/6/2015 của Ban Dân nguyện về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIII về lĩnh vực bảo trợ xã hội, giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội; Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xin báo cáo như sau:

I. VỀ CHÍNH SÁCH BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Báo cáo việc giải quyết các vấn đề cử tri nêu tại các kỳ họp, trong đó có nội dung đang hoặc sẽ giải quyết

Cử tri kiến nghị Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ hơn nữa cho các cán bộ nhân viên làm việc tại các Trung tâm bảo trợ xã hội (*Kiến nghị số 21-PL1- Cử tri tỉnh Bình Dương*)

Trong giai đoạn vừa qua, Chính phủ đã ban hành một số chính sách quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật, trong đó quy định chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật. Theo những quy định trên, cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ sở bảo trợ xã hội là nhân viên y tế, nhà giáo, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật đã được áp dụng chế độ phụ cấp, ưu đãi theo nghề, còn số cán bộ, nhân viên khác không thuộc đối tượng được áp dụng mặc dù điều kiện và tính chất công việc cũng hết sức khó khăn, vất vả, nguy cơ lây nhiễm bệnh cao. Hiện nay, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức làm việc tại các cơ sở công lập của ngành Lao động-

Thương binh và Xã hội (bao gồm các Trung tâm Bảo trợ xã hội). Tuy nhiên, Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020 đã quy định “không bổ sung các loại phụ cấp ưu đãi trách nhiệm, đặc thù theo ngành nghề” trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức làm việc trong các cơ sở công lập của ngành Lao động-Thương binh và Xã hội tại thời điểm thích hợp trong giai đoạn tới.

2. Trả lời kiến nghị cử tri gửi đến kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIII

2.1. Nhóm kiến nghị về mở rộng, bổ sung thêm đối tượng khó khăn được hưởng chính sách bảo trợ xã hội (Kiến nghị số 20, 26, 29 – PL2 - Cử tri tỉnh An Giang, Bắc Ninh, Bình Phước, Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Điện Biên, Đồng Tháp, Phú Yên, Hà Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Lạng Sơn, Đắk Nông, Sóc Trăng, Lâm Đồng, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Nghệ An, Quảng Nam, Vĩnh Long, Tp. HCM)

a) Về hạ độ tuổi đối với người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Luật người cao tuổi quy định độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội là đủ 80 tuổi. Thực hiện quy định của Luật, hiện tại cả nước có gần 1,4 triệu người cao tuổi đang được hưởng trợ cấp. Việc hạ dần độ tuổi của người cao tuổi được hưởng trợ cấp là mục tiêu chung trong chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay khả năng nguồn lực ngân sách nhà nước chưa thể thực hiện được. Thời gian tới khi điều kiện cho phép, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ đề xuất với Chính phủ, Quốc hội sửa Luật Người cao tuổi về việc hạ tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi không có lương hưu và trợ cấp xã hội.

b) Về mở rộng đối tượng người cao tuổi đang hưởng các chính sách khác được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật người cao tuổi thì đối tượng người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng. Đây là chính sách “trợ giúp xã hội” đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có nguồn thu nhập (như lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội) hàng tháng nhằm hỗ trợ để người cao tuổi bớt khó khăn trong cuộc sống, không phải là chính sách “ưu đãi” người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên nói chung.

2.2. Kiến nghị đề xuất nâng mức trợ cấp, sớm triển khai thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP (Kiến nghị số 21, 22, 25 - PL2 - Cử tri tỉnh Bến Tre, Hà Nam, Ninh Thuận, Kon Tum, Tuyên Quang, Bình Định, Nghệ An)

Nghị định số 136/2013/NĐ-CP được ban hành ngày ngày 21/10/2013, thời điểm ban hành sau thời gian lập, tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 nên ngân sách Trung ương năm 2014 chưa bố trí được kinh phí triển khai. Vì vậy, ngày 31/12/2013, tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2013, Chính phủ có Nghị quyết số 142/NQ-CP thống nhất chưa thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

Để bảo đảm đời sống cho đối tượng xã hội có hoàn cảnh khó khăn, tại phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2014, trong đó quy định thực hiện mức trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ đối với người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo (trong đó có người cao tuổi, người khuyết tật), trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi không có nguồn nuôi dưỡng, đối tượng sống trong cơ sở bảo trợ xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Các đối tượng khác tiếp tục thực hiện theo mức cũ theo quy định tại Nghị định 67/2007/NĐ-CP và Nghị định 13/2010/NĐ-CP. Bộ Tài chính đang cân đối dự toán ngân sách năm 2016, nếu đảm bảo được sẽ trình Chính phủ cho thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP đối với các đối tượng còn lại từ 01/01/2016.

2.3. Cử tri cho rằng, đối với người già cả, cô đơn không nơi nương tựa, đây là đối tượng cần được Nhà nước quan tâm điều chỉnh trợ cấp xã hội hàng tháng bảo đảm mức sống qua chuẩn nghèo để những người già cả, cô đơn không phải rơi vào diện hộ nghèo hàng năm. Những năm qua, theo quy định, đối tượng này nếu không thuộc diện hộ nghèo thì không được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng. Song thực tế đối tượng già cả, cô đơn được hưởng trợ cấp, cộng với nguồn thu từ sào ruộng cho cấy khoán và đã được cấp thẻ khám chữa bệnh, nên từ khi bình xét lại không thuộc hộ nghèo và khi không có trong đối tượng hộ nghèo thì bị cắt chế độ trợ cấp nên đối tượng này mất nguồn trợ cấp hàng tháng, đời sống đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tăng mức trợ cấp bảo trợ xã hội cho các đối tượng tàn tật trên mức thu nhập chuẩn của hộ nghèo để các đối tượng này không nằm trong đối tượng nghèo (Kiến nghị số 23 - PL2 - Cử tri tỉnh Hà Nam).

Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 5/9/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đã quy định: “không tính khoản trợ cấp an sinh xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình (như trợ cấp xã hội theo Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 và Nghị định 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều

của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội...). Như vậy, nếu địa phương tính cả khoản trợ cấp của nhà nước vào thu nhập và cắt chế độ trợ cấp khi thu nhập cao hơn chuẩn nghèo là không đúng với quy định.

2.4. Đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ về trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật thì được hưởng trợ cấp xã hội, cho phù hợp với thực tế. Vì có nhiều trường hợp trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại đã bỏ đi khỏi địa phương và hoàn toàn không liên hệ với gia đình nhưng không được xem là mất tích vì gia đình không có điều kiện làm thủ tục công nhận mất tích theo quy định của pháp luật, nên không được hưởng trợ cấp xã hội (*Kiến nghị số 24 - PL2 - Cử tri tỉnh Kiên Giang*).

Theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ thì trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật thì được hưởng trợ cấp xã hội. Để được hưởng trợ cấp xã hội đối tượng phải hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định. Tuy nhiên, việc xác định người mất tích theo quy định của pháp luật dân sự, không thuộc trách nhiệm của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội. Đối với những trường hợp trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại bỏ đi khỏi địa phương và hoàn toàn không có liên hệ với gia đình, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xin tiếp thu đề nghị nghiên cứu, đề xuất Chính phủ trong thời gian tới.

2.5. Cử tri nhiều lần kiến nghị giảm tuổi hưởng chính sách người cao tuổi xuống còn 75 tuổi nhưng chưa được xem xét, giải quyết vì lý do ngân sách nhà nước không kham nổi. Do đó, đề nghị nên có chính sách mua thẻ BHYT cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên thay cho chế độ hưởng hàng tháng của người cao tuổi (*Kiến nghị số 26 - PL2 - Cử tri tỉnh An Giang*).

Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên không thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Đề nghị Ban Dân nguyện chuyển kiến nghị này đến cơ quan có chức năng nghiên cứu, trả lời.

2.6. Đề nghị Chính phủ có văn bản hướng dẫn thực hiện thống nhất quy định tại Điểm e, Khoản 1 Điều 3 Luật Người cao tuổi về quyền của người cao tuổi “được miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp” (*Kiến nghị số 27 - PL2 - Cử tri tỉnh Quảng Nam*).

Điểm e, Khoản 1, Điều 3, Luật Người cao tuổi đã quy định rất cụ thể nên các cơ quan chức năng không phải hướng dẫn thêm.

II. VỀ CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

1. Báo cáo việc giải quyết các vấn đề cử tri nêu tại các kỳ họp, trong đó có nội dung đang hoặc sẽ giải quyết

1.1. Cử tri đề nghị xem xét sửa đổi quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo tại Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế (*Kiến nghị số 15 – PL1 - Cử tri thành phố Hải Phòng*)

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 24/2014/TT-BLĐTBXH ngày 6/9/2014 và đã trả lời cử tri tại Công văn số 448/LĐTBXH-VP ngày 04/02/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

1.2. Cử tri đề nghị nghiên cứu ban hành tiêu chí xác định hộ nghèo trong giai đoạn tiếp theo cho phù hợp, đảm bảo công bằng; quy định chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện hành theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ là quá thấp so với nhu cầu tối thiểu của đời sống hiện tại. Đề nghị tăng mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo cho phù hợp với thực tế cuộc sống, để một số gia đình còn gặp nhiều khó khăn, nhất là vùng nông thôn được xét hộ nghèo thì được Nhà nước miễn, giảm học phí cho con em của họ. Đồng thời có các chính sách hỗ trợ nối tiếp sau khi thoát nghèo, có chính sách động viên để tạo điều kiện cho những đối tượng vừa thoát nghèo tiếp tục vươn lên, thoát nghèo bền vững (*Kiến nghị số 16, 30 - PL1 - Cử tri tỉnh Bến Tre, Bình Phước, Long An, Quảng Ngãi, Tuyên Quang, Hải Dương, Tiền Giang*)

Chuẩn nghèo hiện hành theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ là chuẩn nghèo được phê duyệt cho cả giai đoạn 2011-2015. Tuy nhiên, do chuẩn nghèo được phê duyệt từ năm đầu giai đoạn và dựa trên khả năng cân đối của ngân sách nhà nước cho nên mức thu nhập bình quân đầu người để xác định hộ nghèo (*từ 400.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực nông thôn và từ 500.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực thành thị*), hộ cận nghèo (*từ 401.000- 520.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực nông thôn và 501.000- 650.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực thành thị*) đến thời điểm hiện nay đã nhận được phản ánh của hầu hết các địa phương là quá thấp so với nhu cầu tối thiểu của đời sống hiện tại, không tương xứng với mức thay đổi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) do ảnh hưởng của suy thoái và lạm phát kinh tế trong những năm qua.

Thực hiện Nghị quyết 76/2014/NQ-QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội khóa 13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh, Trưởng Ban Chỉ đạo

Trung ương về giảm nghèo bền vững, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục Thống kê), các Bộ, ngành liên quan, Tổ chức Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và các địa phương đã tiến hành nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ Đề án chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, trong đó xây dựng chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin. Chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 sẽ phản ánh sâu sắc hơn về tình trạng khó khăn, nghèo đói của các hộ gia đình tại các địa phương nói riêng và cả nước nói chung, qua đó sẽ thuận lợi hơn cho Chính phủ, các Bộ, ngành và các địa phương trong việc hoạch định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người dân.

1.3. Đề nghị sớm ban hành hệ thống tiêu chí đánh giá, giám sát Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2011-2015, vì hiện nay Thông tư liên tịch số 30/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 09/12/2008 hướng dẫn quy trình kiểm tra, đánh giá định kỳ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở các địa phương không phù hợp với thực tiễn (*Kiến nghị số 17 - PL1 - Cử tri tỉnh Thái Nguyên*).

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xin tiếp thu ý kiến của đại biểu tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2012-2015 đang thực hiện năm cuối cùng, các Bộ, ngành, địa phương đang tập trung tiến hành tổng kết, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, vì vậy, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cũng đã xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá để hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương đánh giá, tổng kết thực hiện Chương trình.

Bên cạnh đó, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định Nhà nước trước khi trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt. Sau khi Chương trình được phê duyệt, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí đánh giá, giám sát áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

2. Trả lời kiến nghị cử tri gửi đến kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIII

2.1. Đề nghị Nhà nước cần có thay đổi chính sách đối với người nghèo cho phù hợp, nghiên cứu, xem xét chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung đầu tư phát triển kinh tế phải phù hợp với vùng, miền. Đối với hộ nghèo cần phân loại nguyên nhân nghèo theo từng nhóm đối tượng, để từ đó có biện pháp hỗ trợ thoát nghèo phù hợp tránh tình trạng quá nhiều chính sách hỗ trợ nhưng dàn trải, tạo tâm lý ỷ lại không muốn thoát nghèo của một bộ phận người nghèo;

nên có chính sách hỗ trợ hợp lý đối với những trường hợp hộ nghèo nhưng chỉ thu làm ăn, những hộ vừa thoát nghèo nhằm tạo động lực và tập trung nguồn lực, bảo đảm thoát nghèo bền vững (*Kiến nghị số 31, 32 - PL2 - Cử tri tỉnh An Giang, Sóc Trăng, Yên Bái, Hà Nam, Lạng Sơn*)

Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội khóa 13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp tích cực với các Bộ, ngành tổ chức rà soát, bổ sung, sửa đổi hệ thống chính sách giảm nghèo theo hướng phù hợp, hiệu quả hơn như ý kiến cử tri đã nêu. Các Bộ, ngành cũng đã chủ động đề xuất bãi bỏ các chính sách không còn phù hợp, để tạo sự trông chờ ý lại như chính sách hỗ trợ dầu hỏa thấp sáng (Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 9/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ); đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ động vươn lên trong cuộc sống như chính sách nâng mức hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế lên 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia (Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 8/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ), chính sách cho vay vốn tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo (Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ); hướng dẫn khen thưởng đối với huyện, xã, thôn, hộ gia đình có thành tích giảm nghèo bền vững từ năm 2011 đến năm 2020 (Hướng dẫn 48/HD-BTĐKT ngày 18/4/2013 của Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ)...

Cùng với việc rà soát, ban hành các chính sách hỗ trợ mới để khuyến khích hộ nghèo thoát nghèo, trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ có giải pháp đồng bộ chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực cho chính người nghèo phát huy hết năng lực nội sinh trong công tác giảm nghèo, đồng thời tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra trong việc xác định hộ nghèo.

Hiện nay, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đang hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ban hành chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều và tổ chức tổng điều tra, rà soát nhằm phân loại đối tượng một cách triệt để về mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, từ đó tham mưu ban hành hệ thống chính sách phù hợp hơn để thực hiện cho giai đoạn 2016-2020 như ý kiến cử tri đã nêu.

2.2. Đề nghị ban hành và hướng dẫn tiêu chí giám sát, đánh giá Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo để làm cơ sở cho các địa phương giám sát, đánh giá hồ sơ, tổng kết hàng năm và cho cả giai đoạn về kết quả thực hiện Chương trình theo Nghị quyết 30a của Chính phủ (*Kiến nghị số 33 - PL2 - Cử tri tỉnh Bình Định*).

Thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo giai đoạn 2008-2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan thường trực Chương trình đã ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện Nghị quyết 30a trên địa bàn các huyện nghèo ngay từ năm đầu thực hiện Nghị quyết (Công văn số 2041/LĐTBXH-BTXH ngày 15/6/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Bên cạnh đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã ban hành một số tiêu chí, mẫu biểu hướng dẫn các Bộ, ngành, các Tập đoàn, Tổng Công ty, các địa phương đánh giá, giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết 30a hàng năm và Sơ kết, đánh giá cho cả giai đoạn 06 năm (2009-2014) tại các công văn số 3933/LĐTBXH-BTXH ngày 14/11/2011, công văn số 539/LĐTBXH-VPQGGN ngày 03/3/2014 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2.3. Đề nghị xem xét điều chỉnh bộ công cụ điều tra hộ nghèo phù hợp với điều kiện thực tiễn các địa phương (*Kiến nghị số 34 – PL2 - Cử tri tỉnh Điện Biên*).

Để xây dựng bộ công cụ điều tra hộ nghèo giai đoạn 2016-2020 theo phương pháp đa chiều, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương xây dựng bộ công cụ đo lường, đánh giá mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các nhu cầu xã hội cơ bản của các hộ gia đình. Để bộ công cụ thực sự phù hợp với điều kiện thực tiễn của các vùng, miền và các địa phương, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã thử nghiệm bộ công cụ điều tra, đo lường, đánh giá thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều tại một số địa bàn xã, huyện các tỉnh Lào Cai, Thanh Hóa, Quảng Nam, Trà Vinh, thành phố Hồ Chí Minh. Các địa phương đã đánh giá rất tích cực Bộ công cụ. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã tiếp thu các ý kiến đóng góp và cơ bản hoàn thiện Bộ công cụ đảm bảo thuận lợi cho địa phương, cơ sở thực hiện và sẽ ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020.

2.4. Đề nghị Chính phủ sớm triển khai tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2011-2015 đồng bộ với các chương trình mục tiêu quốc gia khác, làm cơ sở để lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 theo nội dung Nghị quyết số 76/2014/QH13 (*Kiến nghị số 35 - PL2 - Cử tri tỉnh Lai Châu*).

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã có hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tiến hành tổ chức đánh giá tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015. Bên cạnh đó, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cũng đã hoàn thiện đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở ý

kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước để trình Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư.

2.5. Cử tri đề nghị cần tăng cường hơn nữa việc đầu tư trong công tác xóa đói giảm nghèo, nhất là tại các nơi vùng sâu, vùng xa, đời sống vật chất và tinh thần của người dân còn thiếu thốn nhằm hướng tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong cả nước, đảm bảo an sinh xã hội (*Kiến nghị số 36 - PL2 - Cử tri Tp HCM*).

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 76/2014/QH13, Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đã đề xuất ưu tiên tập trung đầu tư cho vùng nghèo (huyện nghèo, xã nghèo và thôn bản đặc biệt khó khăn).

2.6. Cử tri cho rằng quy định đối tượng được thụ hưởng Chương trình 30a chưa thực sự hợp lý. Theo quy định, chỉ có các xã thuộc huyện nghèo mới được thụ hưởng chính sách này, tuy nhiên thực tế, thị trấn thuộc các huyện nghèo miền núi điều kiện vẫn rất khó khăn, nhưng không được thụ hưởng. Quy định như trên dẫn đến việc nhiều dân nghèo mất đi cơ hội được hưởng chính sách và dẫn đến tâm tư của một bộ phận cán bộ, công chức (không muốn về thị trấn công tác). Đề nghị Chính phủ quan tâm đưa thị trấn của các huyện nghèo miền núi được thụ hưởng Chương trình 30a đảm bảo nguyện vọng của nhân dân và tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội của vùng (*Kiến nghị số 37 - PL2 - Cử tri tỉnh Phú Thọ*).

Ngoài việc tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành về hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo ở các huyện nghèo, các huyện nghèo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP còn được thực hiện 04 nhóm cơ chế, chính sách đặc thù là: Chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; Chính sách cán bộ; Chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện. Người dân thuộc các xã, thị trấn thuộc huyện nghèo cơ bản đều được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP.

Đối với kiến nghị về việc tâm tư của các cán bộ, công chức tại các xã thuộc huyện nghèo không muốn về thị trấn công tác, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xin thông tin như sau: Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định chỉ có cán bộ, công chức công tác tại các xã thuộc huyện nghèo mới được hưởng các chính sách phụ cấp, trợ cấp tại Nghị định. Quy định nêu trên phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ là tập trung thu hút, tăng cường các cán bộ,

công chức về công tác tại các xã thuộc huyện nghèo, là các địa bàn có điều kiện khó khăn nhất nhằm mục đích tăng cường chất lượng thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại địa bàn các xã, đảm bảo các xã có thể hoàn thành được các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP và mục tiêu của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác đã và đang triển khai trên địa bàn.

2.7. Cử tri đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*Kiến nghị số 38 – PL2 - Cử tri tỉnh Thái Nguyên*).

Theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội được giao nhiệm vụ phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện chính sách đầu tư phát triển bền vững tại vùng dân tộc thiểu số (tại Khoản 9 Điều 9 của Nghị định). Thực hiện nhiệm vụ trên, cùng với việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020; Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã trình Chính phủ ban hành các chính sách đầu tư phát triển bền vững tại vùng dân tộc thiểu số, cụ thể như sau:

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;

- Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 02/5/2013 về bổ sung một số huyện nghèo được hỗ trợ áp dụng cơ chế đầu tư phát triển theo Nghị quyết 30a;

- Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 về việc bổ sung 02 huyện nghèo thuộc các tỉnh Điện Biên (huyện Nậm Pồ), Lai Châu (huyện Nậm Nhùn) vào danh sách các huyện nghèo được hỗ trợ áp dụng các cơ chế, chính sách theo Nghị quyết 30a;

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 ban hành kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/NQ-QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020.

Như vậy, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc đối với những nội dung thuộc thẩm quyền.

2.8. Đề nghị Chính phủ nâng mức kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 (theo Quyết định số 551/QĐ-TTg) từ 01 tỷ đồng/xã/năm lên 1,5 tỷ đồng/năm và các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển từ 1,2 tỷ đồng/xã/năm lên 1,5 tỷ đồng/xã/năm để đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương (*Kiến nghị số 39 - PL2 - Cử tri tỉnh Kiên Giang*)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, trong đó có đề xuất phương án tăng 1,5 lần so với năm 2015 cho vùng này. Hiện nay, Hội đồng thẩm định nhà nước đã thẩm định và báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư.

2.9. Đề nghị Chính phủ tiếp tục có chính sách hỗ trợ làm nhà ở cho các đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách (*Kiến nghị số 40 - PL2 - Cử tri tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái, Lạng Sơn*).

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, Bộ Xây dựng đang chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng hộ nghèo, gia đình chính sách. Gần đây nhất, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) để nâng cao chất lượng nhà ở cho đối tượng như cử tri đã nêu.

III. VỀ CHÍNH SÁCH PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

A. Về lĩnh vực cai nghiện và quản lý sau cai nghiện

Báo cáo kết quả giải quyết các vấn đề cử tri nêu tại các kỳ họp 4, 5, 6, 7, 8 Quốc hội khóa XIII (*Kiến nghị số 11, 12, 13, 14 - PL1 - Cử tri tỉnh, thành phố Lào Cai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Nam Định*) và các kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII (*Kiến nghị số 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159 - PL2 - Cử tri tỉnh, thành phố An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Kiên Giang, Sơn La, Thái Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Nghệ An*) đề nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật

quy định chi tiết Luật phòng, chống ma túy và Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy về quản lý sau cai; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền 03 Nghị định, 01 Nghị quyết và 03 Thông tư, Thông tư liên tịch quy định chi tiết, hướng dẫn việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy theo Luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

- Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 09 năm 2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 07 năm 2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới.

- Liên Bộ Y tế, Lao động-Thương binh và Xã hội, Công an đã ban hành Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-LĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện;

- Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch số 148/2015/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2015 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 06 năm 2014 ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hiện nay, để giải quyết những bất cập mà cử tri kiến nghị, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã báo cáo, tham mưu Chính phủ, Quốc hội sửa Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc ban hành luật mới điều chỉnh công tác dự phòng và hỗ trợ phục hồi cho người nghiện ma túy. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cũng đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Việc sửa đổi các Nghị định nói trên nhằm cắt giảm quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện cho đơn giản, tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện.

B. Về lĩnh vực phòng, chống mại dâm

Báo cáo kết quả giải quyết các vấn đề cử tri nêu tại các kỳ họp 4, 5, 6, 7, 8 Quốc hội khóa XIII:

1. Đề nghị giao thẩm quyền cho Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội các tỉnh, thành phố được ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống mại dâm (*Kiến nghị số 10 - PL1 - Cử tri Tp. Hồ Chí Minh*). Tiếp thu kiến nghị của cử tri, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ trình Quốc hội Dự án Luật Phòng, chống mại dâm trong chương trình xây dựng Luật của Quốc hội khóa XIV. Trong đó, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ nghiên cứu giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực phòng, chống mại dâm thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, cũng như giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Đội trưởng Đội kiểm tra liên ngành 178.

2. Đề nghị bổ sung hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ không đăng ký Bản cam kết về phòng, chống tệ nạn mại dâm với chính quyền địa phương (*Kiến nghị số 9 - PL1 - Cử tri TP. Hồ Chí Minh*).

Đối với hành vi không đăng ký Bản cam kết về phòng, chống tệ nạn mại dâm của chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ với chính quyền địa phương: Đây là hành vi có lỗi của chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ, vi phạm quy định phòng, chống mại dâm. Tuy nhiên, hành vi vi phạm này không phải là điều kiện trực tiếp để hoạt động mại dâm xảy ra. Vì vậy, theo quy định của pháp luật thì hành vi này không bị coi là vi phạm hành chính. Khi tiến hành kiểm tra, các cơ sở kinh doanh dịch

vụ sẽ bị nhắc nhở và đề nghị bổ sung Bản cam kết về phòng, chống tệ nạn mại dâm. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho rằng quy định như vậy là hợp lý, không cần thiết phải bổ sung xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trên.

Trên đây là nội dung trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội kính gửi Quý Ban tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ QH;
- Trưởng đoàn ĐBQH 63 tỉnh, thành phố;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Bộ LĐTBXH: Các đ/c Thứ trưởng, Cục BTXH, Cục PCTNXH, VPQGNN;
- Lưu: VT, TKTH.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm